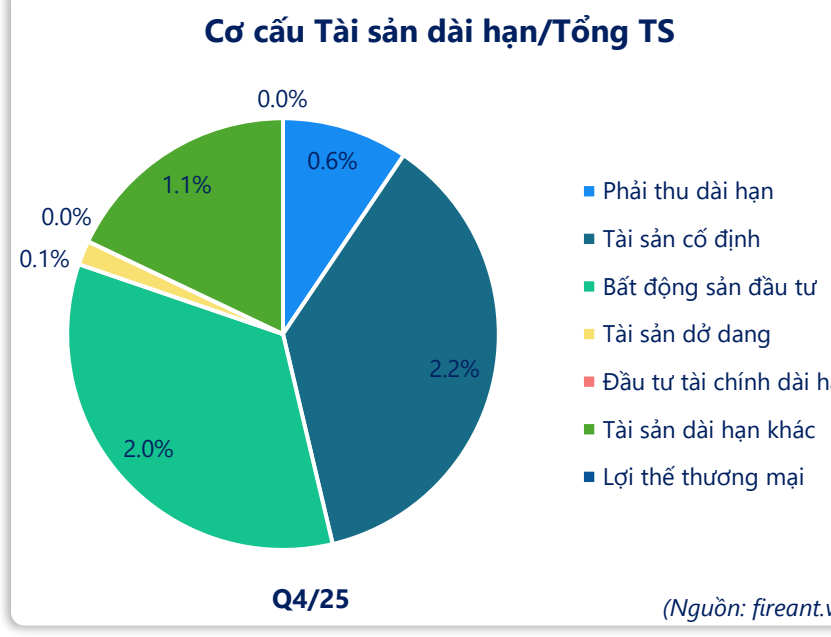
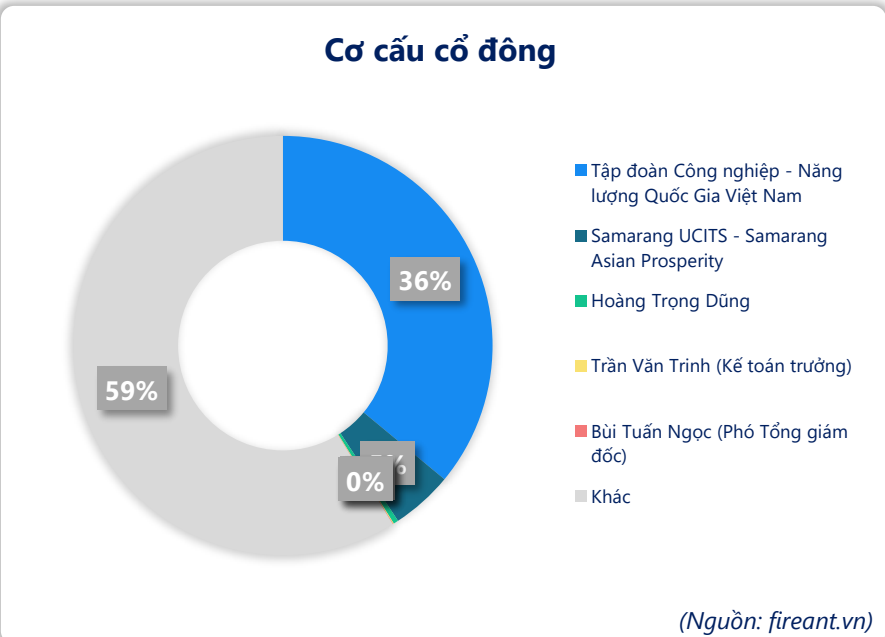
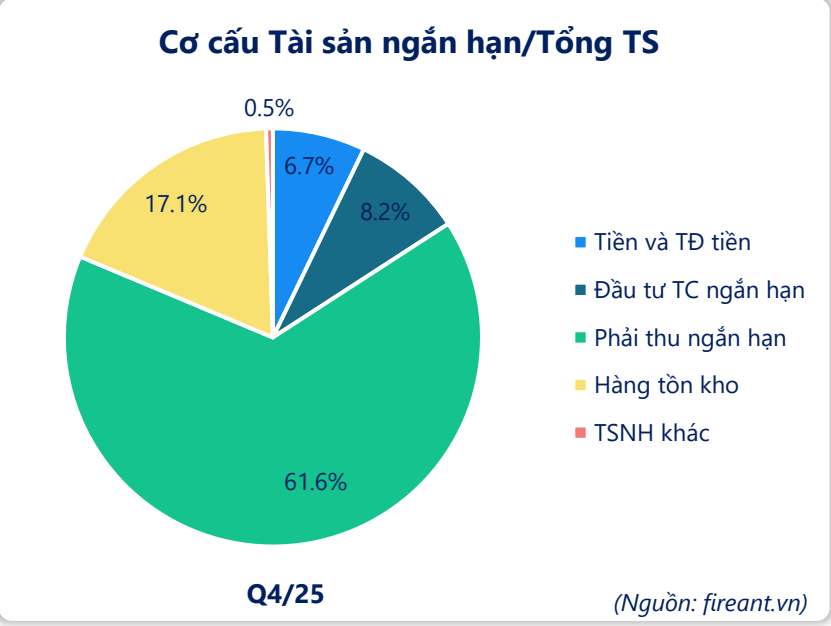
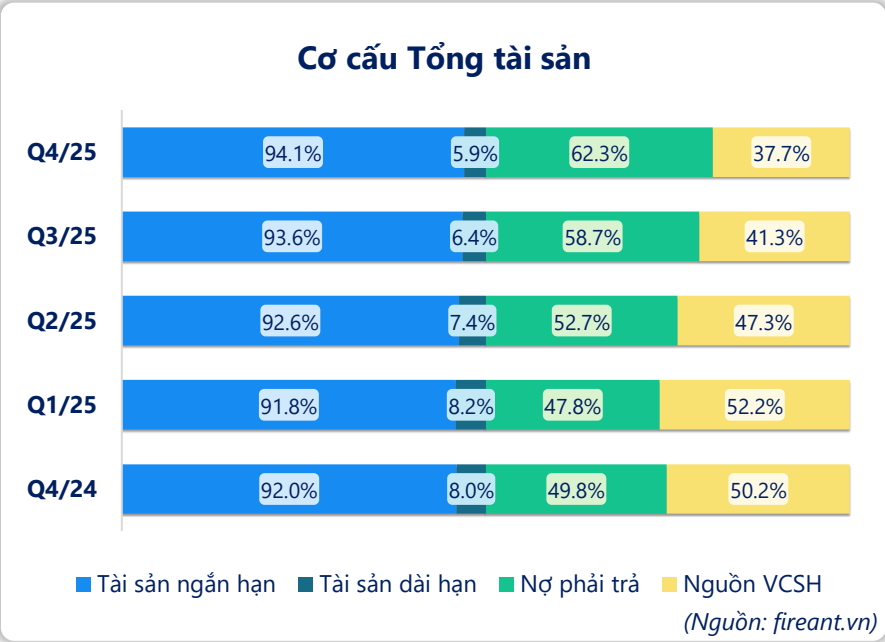
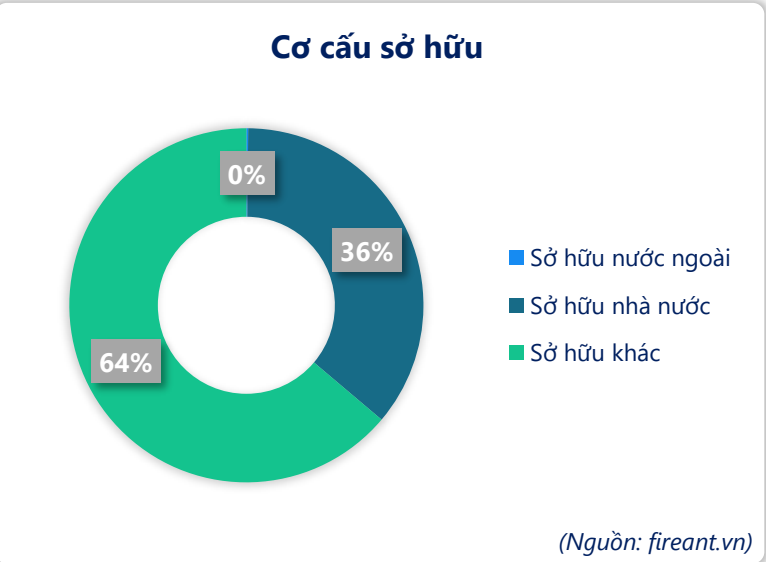
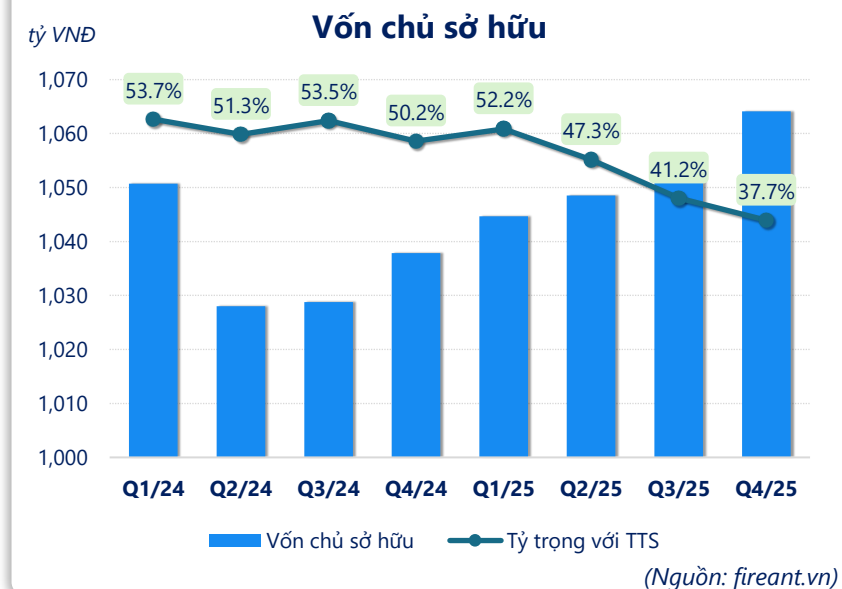
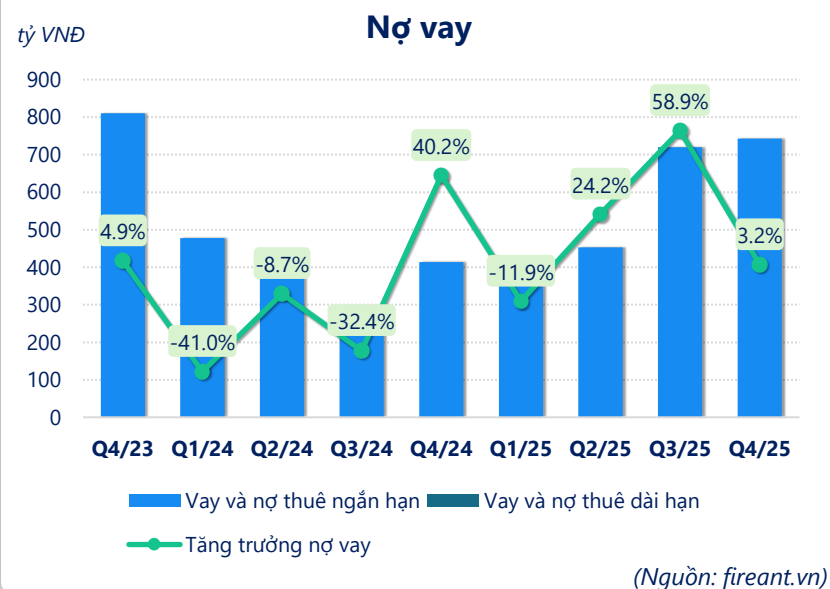
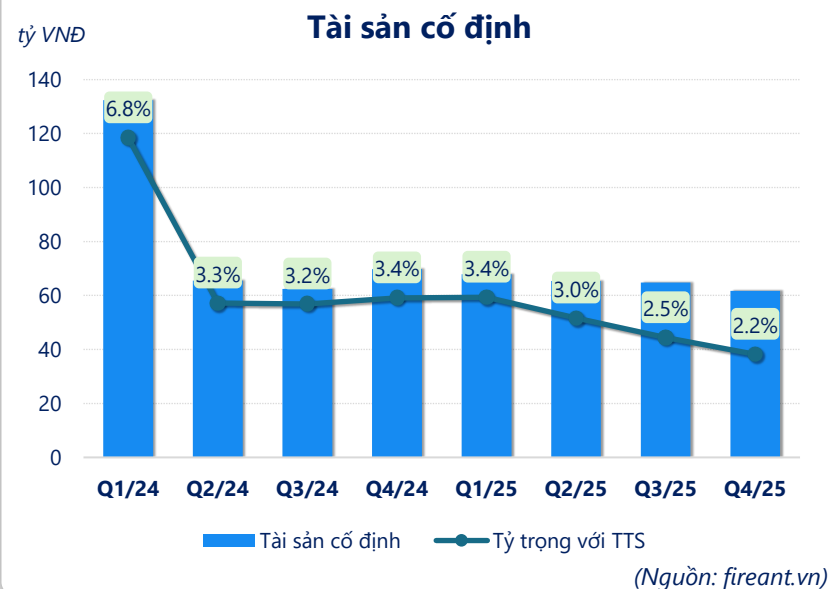
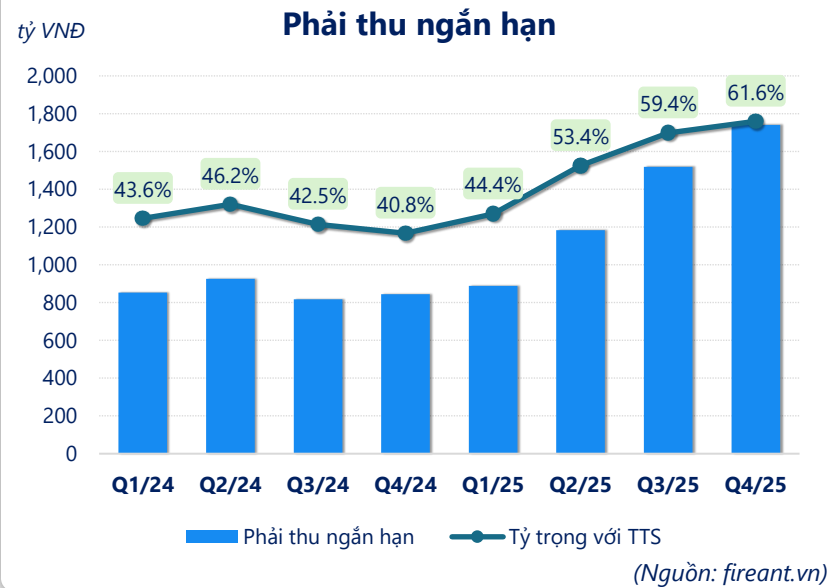
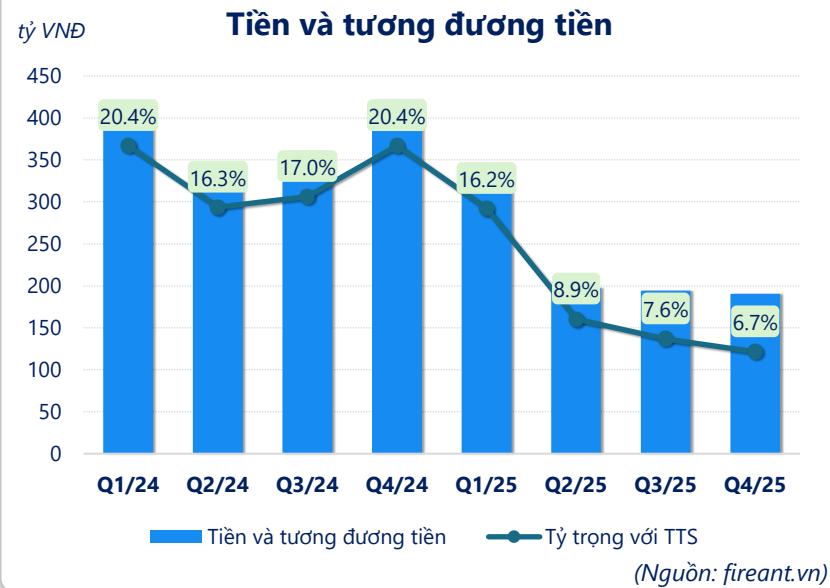
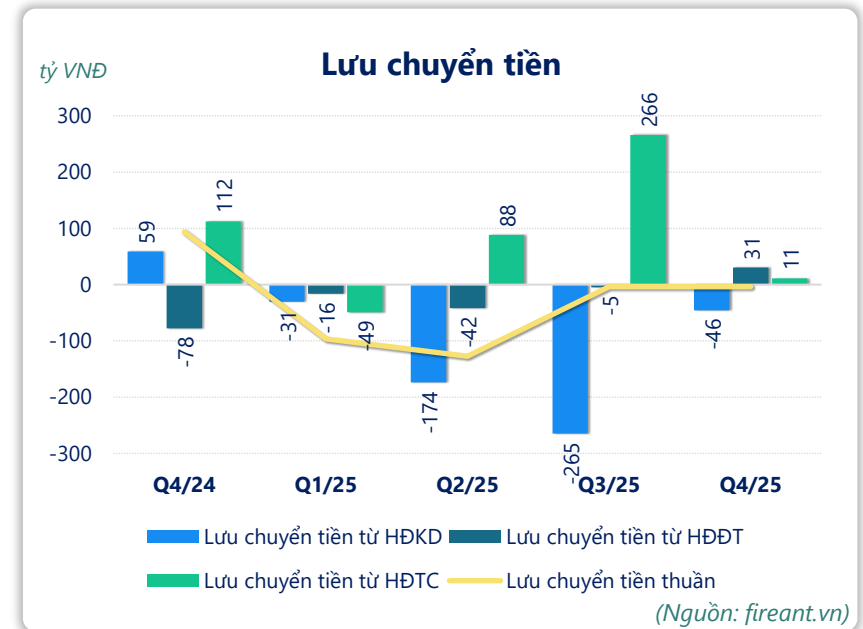
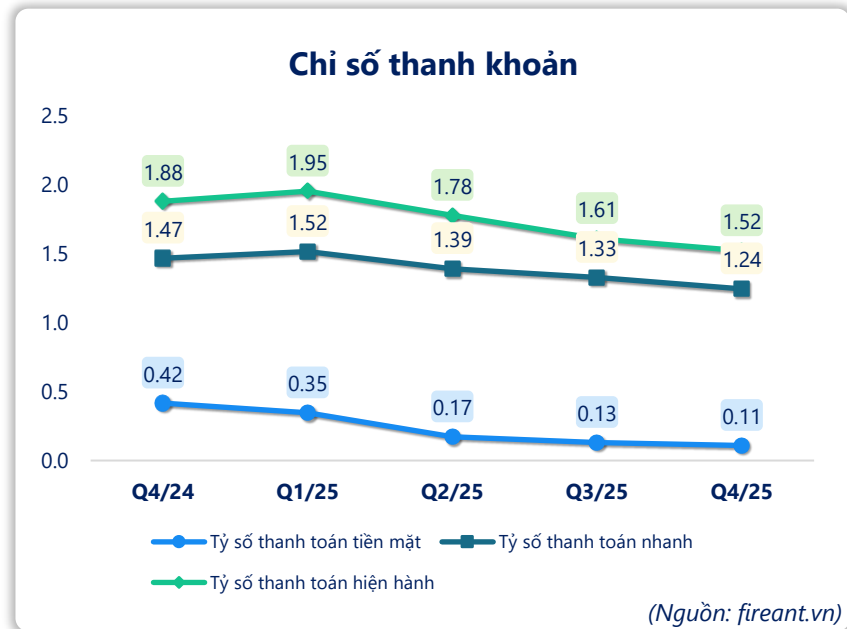
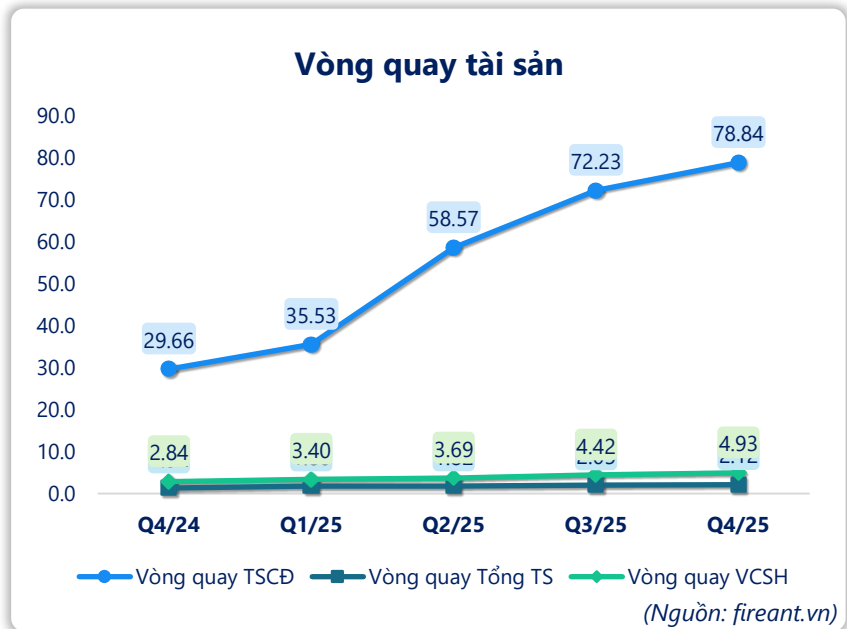
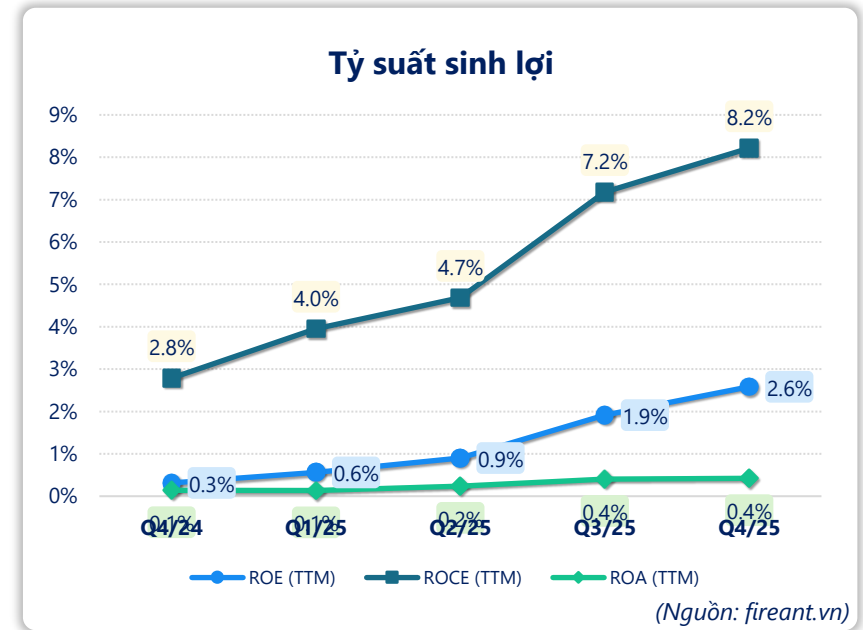
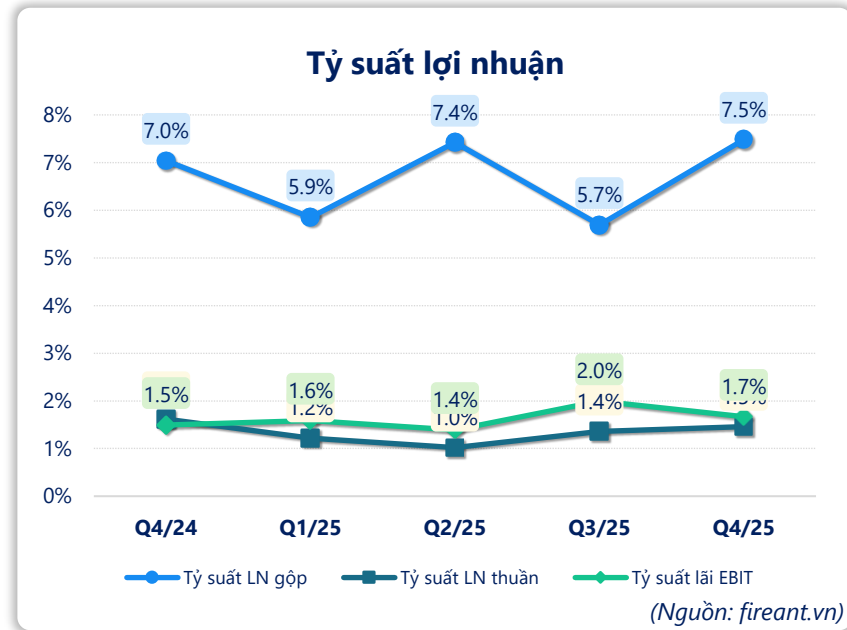
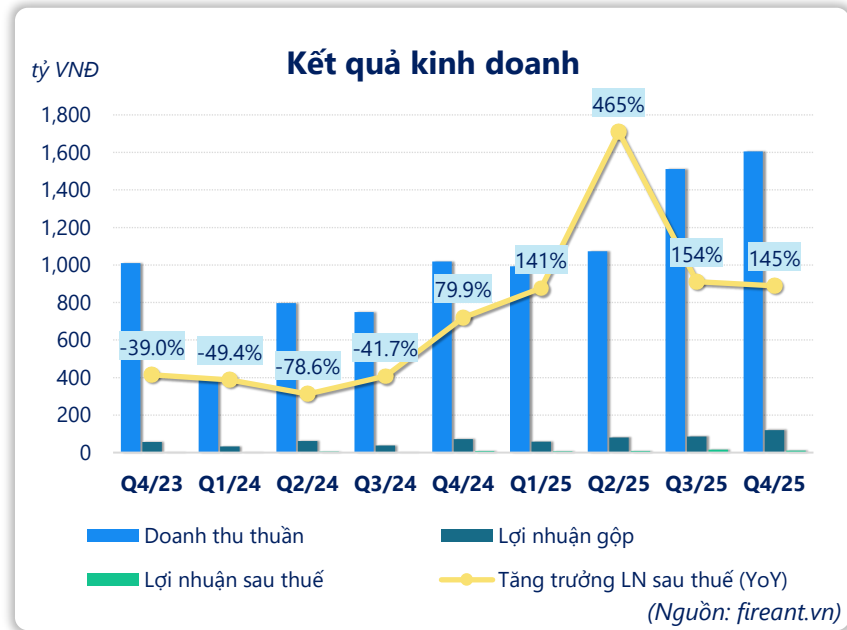


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		11,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		13,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		7,400
SL cổ phiếu LH		81,194,463
KLGD BQ 20 phiên (CP)		954,338
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		917
P/E		33.8
EPS		334

	YTD	1T	3T	6T
PVC	7.6%	4.6%	-0.9%	-2.6%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,825	2,065	36.8%
Tài sản ngắn hạn	2,658	1,901	39.8%
Tiền và tương đương tiền	190	421	-54.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	231	203	13.5%
Phải thu ngắn hạn	1,740	844	106%
Hàng tồn kho	482	416	16.0%
Tài sản ngắn hạn khác	14.0	16.9	-17.0%
Tài sản dài hạn	167	165	1.7%
Phải thu dài hạn	15.8	8.69	82.2%
Tài sản cố định	61.7	69.8	-11.6%
Bất động sản đầu tư	56.8	61.7	-7.9%
Tài sản dở dang	3.04	0.38	701%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	30.0	24.1	24.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,761	1,027	71.4%
Nợ ngắn hạn	1,748	1,011	72.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	743	414	79.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	596	370	61.4%
Nợ dài hạn	13.6	16.5	-17.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,064	1,038	2.5%
Vốn chủ sở hữu	1,064	1,038	2.5%
Vốn điều lệ	812	812	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	1,019	993	1,073	1,511	1,605
Giá vốn hàng bán	947	935	993	1,425	1,485
Lợi nhuận gộp	71.7	58.1	79.6	86.0	120
Doanh thu HĐTC	8.44	5.34	5.63	4.71	4.46
Chi phí TC	2.80	5.52	3.51	15.4	1.81
Chi phí lãi vay	0.44	4.35	2.17	8.57	4.31
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	11.8	8.67	14.7	12.6	19.5
Chi phí QLDN	49.1	37.2	56.1	42.1	79.8
LN thuần từ HĐKD	16.5	12.1	10.9	20.5	23.4
Lợi nhuận khác	-1.68	-0.67	1.81	1.05	-0.93
LN trước thuế	14.8	11.4	12.8	21.6	22.5
Lợi nhuận sau thuế	9.06	7.48	7.95	16.3	11.1
LNST của CĐ cty mẹ	3.10	2.67	5.09	9.06	10.3

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	59.0	-30.6	-174	-265	-45.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-77.8	-16.4	-41.8	-4.65	30.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	112	-49.1	88.3	266	11.3
Tiền đầu kỳ	327	421	325	198	194
Lưu chuyển tiền thuần	93.7	-96.2	-127	-3.61	-3.67
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.08	0.03	0.06	0.12	-0.01
Tiền cuối kỳ	421	325	198	194	190

(Nguồn: fireant.vn)